BẢN TIN PHÁP LUẬT AN VIỆT

Tháng 5 năm 2016

anviet
Certified Public Accountants

Thành viên độc lập của GMN International

gmn international

XUẤT NHẬP KHẨU

Ngày 6/4/2016 Quốc hội ban hành luật Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định về đối tượng chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế, biểu thuế, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Theo đó:

Căn cứ tính thuế, thời điểm tính thuế và biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Thời hạn nộp thuế XNK theo quy định tại Luật thuế Xuất Nhập khẩu:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo Luật hải quan, trừ trường hợp tại khoản 2 Mục này.

- Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa nhưng phải nộp tiền chậm nộp theo Luật quản lý thuế kể từ ngày được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa đến ngày nộp thuế.

Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

- Trường hợp đã được tổ chức tín dụng bảo lãnh nhưng hết thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp thuế và tiền chậm nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp đủ thuế và tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế.

- Theo Luật số 107/2016/QH13, người nộp thuế được áp dụng chế độ ưu tiên theo Luật hải quan được thực hiện nộp thuế cho các tờ khai hải quan đã thông quan hoặc giải phóng hàng hóa trong tháng chậm nhất vào ngày thứ mười của tháng kế tiếp.

- Quá thời hạn này mà người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải nộp đủ số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp theo Luật quản lý thuế.

Thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ

Luật thuế XKN năm 2016 quy định điều kiện áp dụng thuế chống bán phá giá như sau:

- Hàng hóa nhập khẩu bán phá giá tại Việt Nam và biên độ bán phá giá phải được xác định cụ thể;

- Việc bán phá giá hàng hóa là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế.

Theo đó, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bổ sung một số trường hợp miễn thuế, đơn cử:

- Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa XK.

- Hàng hóa không nhằm mục đích thương mại trong các trường hợp: hàng mẫu; ảnh, phim, mô hình thay thế cho hàng mẫu; ấn phẩm quảng cáo số lượng nhỏ.

- Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ bảo đảm an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác.

Luật thuế XK, thuế NK 2016 có hiệu lực từ ngày 01/09/2016 và thay thế Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11.

DOWNLOAD

VĂN BẢN THUẾ

Ngày 6/4/2016 Quốc hội ban hành luật Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế sửa đổi 2016 số hiệu 106/2016/QH13 theo đó, sửa đổi các Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế. Theo đó:

Sửa đổi Luật thuế giá trị gia tăng 13/2008/QH12 (đã được sửa đổi theo Luật 31/2013/QH13):

Theo đó, sửa đổi, bổ sung một số đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.
- Luật sửa đổi Luật thuế 2016 bổ sung dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật là đối tượng không chịu thuế GTGT.
- Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.

Sửa đổi Luật thuế tiêu thụ đặc biệt 27/2008/QH12 (đã được sửa đổi theo Luật 70/2014/QH13):

Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 về Giá tính thuế TTĐB được sửa đổi như sau:

- Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra.
- Luật thuế sửa đổi năm 2016 còn quy định: Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế TTĐB không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm so với giá bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại mua trực tiếp của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra theo quy định của Chính phủ;
- Theo Luật số 106/2016/QH13, đối với hàng hóa NK tại khâu NK là giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu.
- Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.
- Hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra;

Sửa đổi Luật quản lý thuế 78/2006/QH11 (đã được sửa đổi theo Luật 21/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13):

- Cơ quan quản lý thuế thực hiện miễn thuế, giảm thuế đối với các trường hợp thuộc diện miễn thuế, giảm thuế được quy định tại các văn bản pháp luật về thuế và miễn thuế đối với hộ gia đình, cá nhân có số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp hằng năm từ 50 nghìn đồng trở xuống.

Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế sửa đổi 2016 có hiệu lực từ ngày 01/07/2016, trừ Khoản 4 Điều 3 của Luật này có hiệu lực từ 01/9/2016.

DOWNLOAD

Ngày 4/5/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1849/TCT-CS hướng dẫn về hạch toán chi phí trả trước. Theo đó:

Tháng 5/2014 Công ty TNHH Khai khoáng Bắc Kạn được UBND tỉnh Bắc Kạn cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án xây dựng công trình khai thác và chế biến chì, kẽm mỏ Nà Lẹng, Nà Cà. Công ty có phát sinh một số chi phí thực hiện dự án và Công ty chưa phân bổ vào chi phí trong kỳ của Công ty. Đến tháng 11/2014, Công ty thành lập Chi nhánh (hạch toán độc lập) để thực hiện dự án nêu trên. Các khoản chi phí trả trước dài hạn chưa phân bổ vào chi phí trong kỳ của Công ty được chuyển sang cho Chi nhánh để Chi nhánh hạch toán kế toán. Thủ tục chuyển: Công ty chuyển cho Chi nhánh toàn bộ hồ sơ gốc liên quan đến các khoản chi phí trả trước dài hạn và không phải xuất hóa đơn. Khi chuyển giao hồ sơ phải có biên bản giao nhận giữa hai bên.

DOWNLOAD

Ngày 4/5/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 1843/TCT-CS về chính sách thuế đối với lập hóa đơn cung ứng dịch vụ. Theo đó:

Ngày lập hóa đơn đối với cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền.

Đối với cung ứng dịch vụ là thời Điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời Điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

DOWNLOAD

Ngày 4/5/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn 1842/TCT-CS về ưu đãi thuế TNDN. Theo đó:

- Trường hợp Công ty X đã được hưởng đủ thời gian miễn, giảm thuế TNDN đối với dự án tại Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng (miễn 4 năm từ 2004 đến năm 2007; giảm 4 năm từ năm 2008 đến năm 2011) theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 199/2012/TT-BCT thì đến năm 2012, Công ty không được chuyển đổi ưu đãi về thời gian miễn thuế hoặc giảm thuế. Do đó, Công ty không được áp dụng giảm thêm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm từ năm 2012 đến hết năm 2016 đối với dự án đầu tư này.
- Công ty được lựa chọn chuyển đổi áp dụng thuế suất ưu đãi cho thời gian còn lại tương ứng với các Điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng (ngoài Điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu) theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy phép thành lập đến trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP có hiệu lực thi hành hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN tại thời Điểm bị Điều chỉnh ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO. Do đó, nếu thực tế hoạt động Công ty đáp ứng các Điều kiện ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị định số 24/2000/NĐ-CP và Nghị định số 27/2003/NĐ-CP thì kể từ năm 2012, dự án đầu tư của Công ty tại Hải Phòng được áp dụng thuế suất thuế TNDN theo mức 10% cho thời gian còn lại của dự án.

DOWNLOAD

Ngày 4/5/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1834/TCT-TNCN hướng dẫn về xác định doanh thu chịu thuế đối với các cá nhân cho thuê tài sản. Theo đó:

- Trường hợp cá nhân phát sinh hợp đồng cho thuê tài sản mà tổng doanh thu trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng trở xuống thì không phải kê khai, nộp thuế GTGT và thuế TNCN, kể cả trường hợp thời hạn cho thuê trên hợp đồng không đủ 12 tháng của năm dương lịch.

- Cơ quan Thuế không cấp hóa đơn lẻ cho hộ gia đình, cá nhân có tài sản cho doanh nghiệp thuê kể cả trường hợp doanh thu cho thuê trên 100 triệu đồng/năm. Doanh nghiệp thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ để xác định chi phí được trừ là hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân (nếu có trong trường hợp bên thuê là người nộp thuế thay), không phải lập Bảng kê theo mẫu số 01/TNDN tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC. Riêng đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân có tài sản cho cơ quan, đơn vị, sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước thuê và có yêu cầu cấp hóa đơn thì Cơ quan Thuế vẫn thực hiện cấp hóa đơn lẻ cho cá nhân cho thuê tài sản theo quy định.

DOWNLOAD

Ngày 5/5/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1882/TCT-CS trả lời về chính sách thuế. Theo đó:

- *Về tiền lãi do khách hàng chậm thanh toán:*

- Trường hợp Công ty X phát sinh Khoản tiền lãi trả chậm thì được cấn trừ với chi phí trả lãi tiền vay theo quy định, sau khi bù trừ nếu còn lãi thì tính vào thu nhập khác và không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

- *Lưu ý về doanh thu để tính thu nhập chịu thuế:*

- Trường hợp DN có cho thuê lại đất thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền thuê trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần. Việc chọn hình thức doanh thu trả tiền một lần chỉ được xác định khi doanh nghiệp đã đảm bảo hoàn thành các trách nhiệm tài chính đối với Nhà nước, đảm bảo các nghĩa vụ đối với các bên thuê lại đất cho hết thời hạn cho thuê lại đất.

- Trường hợp DN được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm sau đó DN cho thuê lại đất có hay chưa có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc trên đất thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền thuê trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước."

DOWNLOAD

Ngày 9/5/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1959/TCT-CS về chính sách thuế TNDN. Theo đó:

Trường hợp Công ty TNHH X được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số N ngày 06/02/2013 nếu được thành lập do chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu (bao gồm cả trường hợp thành lập doanh nghiệp mới nhưng tài sản, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh ... vẫn kế thừa của doanh nghiệp cũ để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh) thì không được hưởng ưu đãi theo diện doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư theo quy định.

DOWNLOAD

Ngày 14/4/2016 Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1566/TCT-DNL về chính sách thuế đối với các tổ chức tín dụng. Theo đó:

- Công thức xác định tỷ lệ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ áp dụng cho hệ thống Ngân hàng Thương mại như sau:

Tỷ lệ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ = {Doanh thu chịu thuế GTGT trong kỳ + Doanh thu không phải kê khai tính nộp thuế GTGT trong kỳ} / Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ (bao gồm doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT)

- Không khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của các chi phí liên quan đến máy rút tiền ATM.
- Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa cho, biếu tặng.

- Về thuế nhà thầu của các Khoản phí chuyển tiền ra nước ngoài.

Ngân hàng thương mại thực hiện dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài dưới 3 hình thức: khách hàng bên Việt Nam khi chuyển tiền ra nước ngoài sẽ trả mọi Khoản phí phát sinh ở cả Việt Nam và nước ngoài (còn gọi là phí OUR), khách hàng bên Việt Nam khi chuyển tiền ra nước ngoài trả Khoản phí phát sinh ở Việt Nam, khách hàng nhận tiền bên nước ngoài trả Khoản phí phát sinh bên nước ngoài (còn gọi là phí SHARE) và khách hàng bên Việt Nam khi chuyển tiền ra nước ngoài không phải trả Khoản chi phí nào,

bên nước ngoài nhận tiền sẽ trả mọi Khoản phí (còn gọi là phí BEN).

- Đối với hình thức phí OUR, khi Ngân hàng Việt Nam trả Khoản phí cho nhà thầu nước ngoài thì Ngân hàng Việt Nam phải kê khai và nộp thuế nhà thầu cho nước ngoài đối với Khoản phí bên nước ngoài được hưởng.
- Đối với hình thức phí SHARE và phí BEN Ngân hàng nước ngoài thu trực tiếp từ khách hàng nhận tiền tại nước ngoài đây là Khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam do vậy Ngân hàng Việt Nam phải thực hiện kê khai và nộp thuế nhà thầu nước ngoài theo quy định đối với doanh thu nhà thầu nước ngoài nhận được.

DOWNLOAD

Ngày 15 tháng 04 năm 2016, Ngân hàng Nhà nước mới ban hành thông tư 05/2016/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung về Quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Trong đó có điểm mới như sau:

- Khoản vay nước ngoài liên quan đến hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm như sau:

- Trường hợp Ngân hàng yêu cầu khách hàng cung cấp chứng từ vận tải trong bộ chứng từ thanh toán, ngày rút vốn (ngày bắt đầu vay) là ngày thứ 90 tính từ ngày của chứng từ vận tải.
- Trường hợp ngân hàng không yêu cầu cung cấp chứng từ vận tải, ngày rút vốn (ngày bắt đầu vay) là ngày thứ 45 tính từ ngày hoàn thành kiểm tra của Tờ khai hải quan.

Theo đó, khoản vay nước ngoài dưới hình thức nhập khẩu hàng hóa trả chậm được coi là:

Vay ngắn hạn nếu:

+ Ngày trả = ngày tờ khai + 45 ngày + dưới 1 năm hoặc 1 năm; hoặc Ngày trả = ngày vận đơn + 90 ngày + dưới 1 năm hoặc 1 năm.

+ Thanh toán qua tài khoản thường.

Vay dài hạn nếu:

+ Ngày trả = ngày tờ khai + 45 ngày + nhiều hơn 1 năm; hoặc ngày trả = ngày vận đơn + 90 ngày + nhiều hơn 1 năm

+ Thanh toán qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

- Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 15/4/2016.

DOWNLOAD

Ngày 07/04/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 4769/BTC-TCT hướng dẫn về chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư thường xuyên. Theo đó, có các nội dung đáng chú ý như sau:

- Về xác định thời gian áp dụng: Doanh nghiệp đang hoạt động có hoạt động đầu tư thường xuyên trong giai đoạn từ năm 2009 – 2013 thì hoạt động đầu tư thường xuyên không phải là hoạt động đầu tư mở rộng và được hưởng ưu đãi thuế TNDN mà dự án đang áp dụng.

- Về tiêu chí xác định đầu tư thường xuyên:

Hoạt động đầu tư thường xuyên là hoạt động được thực hiện từ 1 trong 3 nguồn độc lập để đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên cho dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN, bao gồm:

- Quỹ khấu hao cơ bản tài sản cố định của doanh nghiệp.
- Sử dụng lợi nhuận sau thuế tái đầu tư.
- Sử dụng vốn trong phạm vi vốn đầu tư đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên từ các nguồn nêu trên phải đảm bảo Điều kiện không tăng công suất sản xuất kinh doanh theo đề án kinh doanh đã đăng ký hoặc được phê duyệt của dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư có ghi quy mô của dự án thì việc đầu tư thường xuyên có tăng quy mô so với Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp sẽ không được coi là đầu tư thường xuyên và không được hưởng ưu đãi thuế TNDN; Trường hợp nêu trên Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư không ghi quy mô của dự án, hoặc các đơn vị chỉ bổ sung, thay thế máy móc thiết bị thường xuyên và không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận đầu tư thì sẽ không áp dụng theo tiêu chí này.

Trường hợp nếu doanh nghiệp có hoạt động đầu tư thường xuyên làm tăng công suất sản xuất kinh doanh so với Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư thì không áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ phần vượt so với công suất sản xuất kinh doanh của dự án ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư.

- Về cách thức thực hiện:

Doanh nghiệp có hoạt động đầu tư thường xuyên trong giai đoạn từ năm 2009 – 2013 nếu thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điểm 2 công văn này thì được kê khai điều chỉnh bổ sung theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý thuế. Trường hợp doanh nghiệp đã kê khai, nộp thuế TNDN (bao gồm cả trường hợp đã ban hành Quyết định xử lý truy thu thuế hoặc doanh nghiệp đang trong thời gian xử lý khiếu nại) đối với hoạt động đầu tư thường xuyên trong giai đoạn từ năm 2009 – 2013 nay thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo hướng dẫn tại công văn này thì được bù trừ với số thuế phải nộp của kỳ thuế tiếp theo hoặc được hoàn lại số đã nộp thừa theo quy định.

- Tiêu chí xác định về đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên áp dụng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại từ kỳ tính thuế năm 2014 theo quy định tại Điểm g Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính được thực hiện theo các tiêu chí nêu tại Điểm 2 công văn này.

DOWNLOAD

BẢO HIỂM TIỀN LƯƠNG

Ngày 20/4/2016 Bảo hiểm Xã hội Việt Nam ban hành Công văn số 1379/BHXH-BT hướng dẫn tính lãi chậm đóng, truy thu BHXH, BHYT, BHTN và thu BHXH tự nguyện. Theo đó có một số nội dung chính như sau:

- Tiền lương làm căn cứ truy thu là tiền lương tháng đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động theo quy định của pháp luật tương ứng thời gian truy thu, tiền lương này được ghi trong sổ BHXH của người lao động.

- Tỷ lệ truy thu được tính bằng tỷ lệ (%) tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN từng thời kỳ do Nhà nước quy định.

- Phương thức tính lãi, công thức tính lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN.

- Các trường hợp truy thu, công thức tính lãi truy thu BHXH, BHYT, BHTN.

- Các vấn đề về thu BHXH tự nguyện thực hiện theo quy định của Luật BHXH, Nghị định134/2015/NĐ-CP , Thông tư 01/2016/TT-BLĐTBXH và Quyết định 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 của BHXH Việt Nam.

DOWNLOAD

Theo Nghị quyết 99/2015/QH13 ngày 11/11/2015 của Quốc hội thì từ ngày 01/5/2016 sẽ tăng lương cơ sở lên 1.210.000 đồng/tháng. Theo đó:

- Mức lương cơ sở áp dụng từ 01/5/2016 là 1.210.000 đồng/tháng.

- Đối tượng áp dụng

Mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội có tính chất đặc thù ở Trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp huyện, ở cấp xã và lực lượng vũ trang bao gồm:

- Cán bộ, công chức từ Trung ương đến cấp huyện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức 2008.
- Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Cán bộ, công chức 2008.
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Luật Viên chức 2010.
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại Nghị định 68/2000/NĐ-CP.
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế được ngân sách nhà nước cấp kinh phí trong các hội có tính chất đặc thù quy định tại Nghị định 45/2010/NĐ-CP.
- Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ nghĩa vụ và công nhân, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.
- Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn; công nhân, nhân viên công an và lao động hợp đồng thuộc Công an nhân dân.
- Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.
- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố.

- Bảo đảm thu nhập không giảm.

- Đối với những người có hệ số lương từ 2.34 trở xuống đã được hưởng tiền lương tăng thêm tại Nghị định 17/2015/NĐ-CP nếu tổng tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, cộng các khoản phụ cấp lương (nếu có) tính theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng mà thấp hơn tổng tiền lương cộng tiền lương tăng thêm theo Nghị định 17 thì được hưởng chênh lệch cho bằng tổng tiền lương đã hưởng tháng 4/2016.
- Mức chênh lệch này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

DOWNLOAD NGHỊ QUYẾT

DOWNLOAD DỰ THẢO

VĂN BẢN KHÁC

Ngày 22/4/2016, Tổng cục Thuế ban hành Công văn 1695/TCT-QLN về việc sử dụng hóa đơn lẻ. Theo đó:

- Trường hợp đang áp dụng biện pháp cưỡng chế thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng thì Cục Thuế tiếp tục cho người nộp thuế sử dụng từng hóa đơn lẻ nếu người nộp thuế thực hiện các việc sau:

  - Có văn bản đề nghị sử dụng từng hóa đơn lẻ cho từng lô hàng, hạng mục công trình hoàn thành để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục.

  - Có văn bản cam kết thực hiện nộp ngay toàn bộ số thuế phát sinh trên hóa đơn lẻ được sử dụng và nộp một phần tiền thuế nợ ít nhất bằng 15% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng.

- Trong một số trường hợp đặc thù thì Cục trưởng Cục Thuế xem xét thực tế để cho phép người nộp thuế đề nghị một lần nhưng được sử dụng nhiều hóa đơn.

Nếu người nộp thuế vi phạm cam kết thì cơ quan thuế dừng ngay việc sử dụng hóa đơn lẻ của người nộp thuế.

DOWNLOAD

Ngày 23/3/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2016/TT-BTC quy định về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư. Theo đó:

- Quản lý, sử dụng chi phí chuẩn bị đầu tư, giám sát thực hiện hợp đồng dự án PPP, chất lượng công trình của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh.

Về việc quyết toán và xử lý các nguồn thu, Thông tư số 55 quy định:

- Hàng năm, Cơ quan nhà nước được giao quản lý phần chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí giám sát thực hiện hợp đồng dự án, chất lượng công trình lập báo cáo quyết toán theo từng loại nguồn vốn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giá trị quyết toán chi phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển được tổng hợp vào giá trị quyết toán dự án PPP hoàn thành.

- Quản lý chi phí lựa chọn nhà đầu tư.

Theo Thông tư 55/2016 Bộ Tài chính, việc quản lý, sử dụng chi phí lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án sử dụng vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ (hiện nay là Thông tư 190/2015/TT-BTC).

- Phương án tài chính của dự án PPP.

  - Lãi vay huy động vốn đầu tư bao gồm: Lãi vay trong thời gian xây dựng được tính trong tổng vốn đầu tư dự án, lãi vay huy động trong thời gian kinh doanh, khai thác được tính trong phương án tài chính của dự án.

  - Thông tư số 55/2016/BTC quy định: lãi vay huy động vốn đầu tư chỉ áp dụng đối với phần vốn nhà đầu tư phải đi vay; không tính lãi vay đối với phần vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư cam kết trong hợp đồng dự án.

- Thanh toán vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP.

  - Thời hạn thanh toán vốn đầu tư của Nhà nước hàng năm đối với hợp đồng BTL, BLT và các hợp đồng tương tự được Thông tư 55/2016/TT-BTC quy định như sau:

  - Kế hoạch vốn hàng năm bố trí cho phần vốn đầu tư của Nhà nước thanh toán cho dự án đến hết 31/12 năm kế hoạch (trừ trường hợp được cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền).

- Quyết toán công trình dự án PPP hoàn thành

  - Nguyên tắc quyết toán theo quy định tại Thông tư số 55 năm 2016:

  - Đối với dự án PPP có cấu phần xây dựng, sau khi dự án hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước (hiện nay là Thông tư 09/2016/TT-BTC) và Thông tư này.

- Thông tư 55 có hiệu lực từ ngày 05/05/2016.

DOWNLOAD

Được thành lập vào năm 1970, GMN International là một hiệp hội toàn cầu, thành viên của hiệp hội là các công ty kế toán, kiểm toán chuyên nghiệp được lựa chọn hết sức kỹ lưỡng, thành lập từ lâu đời và rất có danh tiếng tại từng. Mỗi công ty là một pháp nhân riêng biệt và độc lập.

Mối quan hệ giữa các công ty thành viên của chúng tôi được duy trì bằng cách liên hệ thường xuyên trực tiếp với nhau, cho phép chúng tôi tiếp cận những thông tin quốc tế quý giá, tin cậy cùng với sự hỗ trợ và tư vấn nhanh chóng. Hỗ trợ toàn cầu giúp các thành viên làm việc cùng nhau hiệu quả hơn, nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của các khách hàng tại quốc gia đó.

Các thành viên của chúng tôi cùng nhau chia sẻ một cam kết chung để cùng thực hiện tốt theo các tiêu chuẩn chuyên môn cao nhất. Kinh nghiệm quý báu của các chuyên gia của chúng tôi được chia sẻ một cách hiệu quả cho các đồng nghiệp để mang đến cho khách hàng những dịch vụ quốc tế xuyên suốt tốt nhất.

Sứ mệnh của chúng tôi là trở thành một hiệp hội các công ty kế toán, kiểm toán chất lượng hàng đầu trên thế giới, cung cấp một loạt các dịch vụ cao cấp tại địa phương với phương pháp tiếp cận chuyên nghiệp, vì lợi ích của các công ty, khách hàng và nhân viên, mà không ảnh hưởng chủ quyền của mỗi công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ông TẠ VĂN VIỆT - CPA, MBA
Tổng Giám đốc

tel 0912 261 088
email viet.ta@anvietcpa.com

Ông VŨ BÌNH MINH CPA, MA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0904 347 726
email minh.vu@anvietcpa.com

Ông TRẦN QUỐC TRỊ - CPA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0913 045 117
email tri.tran@anvietcpa.com

Bà VŨ THỊ HƯƠNG GIANG - CPA, MBA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0909 866 888
email giang.vu@anvietcpa.com

Ông NGUYỄN ĐỨC DƯỠNG - CPA, MBA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0913 505 685
email duong.nguyen@anvietcpa.com

Ông DƯƠNG ĐÌNH NGỌC - CPA
Phó Tổng Giám Đốc

tel 0983 536 303
email ngoc.duong@anvietcpa.com

Bà NGUYỄN THỊ HOA - CPA, MA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0904 204 866
email hoa.nguyen@anvietcpa.com

Ông NGUYỄN THƯƠNG - CPA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0913 225 211
email thuong.nguyen@anvietcpa.com

Bà TRẦN NGỌC ANH - CPA, MBA
Phó Tổng Giám đốc

tel 0904 123 088
email anh.tran@anvietcpa.com

Ông PHAN LÊ THÀNH LONG
Phó Tổng Giám đốc

tel 0906 816 226
email long.phan@anvietcpa.com

Bà HOÀNG THIÊN NGA - CPA, Kỹ sư xây dựng
Phó Tổng Giám đốc

tel 0912 300 202
email nga.hoang@anvietcpa.com

Bà HOÀNG THỊ THANH TÂM
Phó Tổng Giám đốc

tel 0983 656 389
email tam.hoang@anvietcpa.com

HEAD OFFICE

167 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng - Hà Nội
Cell: 046.2782.904 | Fax: 046.2782.905
Email: anviet@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 9, tòa nhà AC - 78 Duy Tân, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội
Cell: 043.7958.705 | Fax: 043.7958.677
Email: anviet.hn@anvietcpa.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Tầng 7, tòa nhà Hải Quân, 05 Lý Tự Trọng, Hoàng Văn Thụ,
Q.Hồng Bàng, Hải Phòng
Cell: 0313.842.430 | Fax: 0313.842.433
Email: anviet.hp@anvietcpa.com